

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bé.

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 432/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé H, sinh năm 1987.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1974;

Cùng nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Cùng nơi tạm trú: Ô 52, DC 32, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bé H trình bày:

Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, Thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận kết hôn số 203/HT. xã, quyển số 01/2007 ngày 29 tháng 9 năm 2007.

Sau khi kết hôn, bà H và ông T sống trọ tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu bà H và ông T chung sống rất hạnh phúc cho đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông T thường có lời nói xúc phạm bà H và đe dọa hành hung nhưng chưa đến mức phải nhập viện. Ngoài ra, thời điểm dịch Covid 19 khi công ty bà H áp dụng làm việc ba tại chỗ nhưng ông T không cho, từ đó mâu thuẫn giữa bà H và ông T trở nên trầm trọng hơn. Mặt khác, bà H và ông T không sống chung một nhà từ năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông T có ba con chung là Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2003; Lê Ngọc A, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2005 và Lê Nguyên L, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2015. Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lê Nguyên L, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2015. Con chung Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2003 và Lê Ngọc A, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2005 đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:* Ông T thống nhất về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản. Ông T cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau tuy nhiên chưa đến mức phải ly hôn, ông T mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con. Về con chung: Ông T yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lê Nguyên L, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2015 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông T; về con chung: Giao con chung Lê Nguyên L, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2015 cho bà H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; con chung Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2003 và Lê Ngọc A, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2005 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không

xem xét giải quyết; về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông T; ông T có nơi tạm trú tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 9 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, Thành phố Cần Thơ nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T chính quyền địa phương không nhận thấy mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, bà H và ông T không tìm được tiếng nói chung, cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã tìm cách đoàn tụ nhưng không có kết quả, bà H và ông T sống ly thân và không sống chung một nhà từ năm 2021 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, bỏ mặc nhau.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có ba con chung là Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2003; Lê Ngọc A, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2005 và Lê Nguyên L, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Tại phiên toà, bà H vẫn giữ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Lê Nguyên L, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2015 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu L còn nhỏ và hiện đang sống chung với bà H. Ngoài ra, cháu L cũng có nguyện vọng sống chung với bà H. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo và công dân có ích cho xã hội nên tiếp tục giao cháu L cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Con chung Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2003 và Lê Ngọc A, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2005 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé H đối với bị đơn ông Lê Văn T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bé H được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Lê Nguyên L, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2015 cho bà Lê Thị Bé H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Con chung Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2003 và Lê Ngọc A, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2005 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Bé H về việc không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004848 ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

